

*R. H. May*  
**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**  
Số: *2182* /2006/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
Vũng tàu, ngày *26* tháng 7 năm 2006

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên  
ngân sách địa phương năm 2007.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- 852328.  
857636.  
09098496172.*
- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
  - Căn cứ Luật ngân sách số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;
  - Căn cứ Quyết định số 151/2006/QĐ-TTg ngày 29/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ V/v Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2007;
  - Căn cứ Nghị quyết số 04/2006/NQ-HĐND ngày 20/7/2006 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về các đề án, tờ trình của UBND tỉnh ;
- Theo đề nghị của Giám đốc sở Tài chính,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2007, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

**Điều 2:** Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương ban hành kèm theo Quyết định này đã bao gồm chế độ tiền lương được quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004, Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/09/2005 và Nghị định số 119/2005/NĐ-CP ngày 27/09/2005 của Chính phủ và một số chế độ chi đã ban hành trong giai đoạn 2004-2006. Định mức này là cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên ngân sách của các đơn vị cấp tỉnh, dự toán chi ngân sách của các Huyện, Thị, Thành phố và các Xã, Phường, Thị trấn trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3:** Các Huyện, Thị, Thành phố và các Xã, Phường, Thị trấn khi áp dụng hệ thống định mức này mà dự toán chi thường xuyên năm 2007 thấp hơn mức dự toán chi thường xuyên năm 2006 UBND Tỉnh đã giao, thì được bổ sung

để đảm bảo không thấp hơn dự toán chi thường xuyên năm 2006 và có mức tăng hợp lý.

**Điều 4:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ năm ngân sách 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2007-2010.

**Điều 5:** Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Kế hoạch và đầu tư; Kho bạc nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các Huyện, Thị, Thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. -/.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *Handwritten*

Chủ tịch

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- VP. Chính phủ (để B/c);
- Bộ Tài chính (để B/c);
- TTr. Tỉnh uỷ (để B/c);
- TTr. HĐND Tỉnh (để B/c);
- Các Đ/c CT.PCT UBND Tỉnh;
- Viện KSND Tỉnh;
- Toà án nhân dân Tỉnh;
- TTr. HĐND các H-T-TP;
- Lưu VT-TH.



*Handwritten signature*  
TRẦN MINH SANH

*Handwritten mark*

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN  
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2007.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2182/2006/QĐ-UBND ngày 26/07/2006  
của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).*

**I - Nguyên tắc :**

**1 – Nguyên tắc xác định dân số theo vùng, như sau:**

+ Dân số vùng đô thị : gồm dân số các phường và thị trấn (đối với thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu, vùng hải đảo được tính vào dân số vùng tương ứng, không tính vào dân số vùng đô thị).

+ Dân số vùng sâu: gồm dân số các xã vùng núi thấp, đồng bào dân tộc ở đồng bằng theo các quy định của Ủy ban dân tộc; dân số các xã vùng sâu (xã vùng sâu là các xã đồng bằng có các điều kiện khó khăn về địa lý tự nhiên, khắc nghiệt về thời tiết, xa xôi hẻo lánh, xa các trung tâm văn hoá chính trị xã hội, đi lại khó khăn; được xác định theo thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của liên Bộ Nội vụ - Lao động- Thương binh và Xã hội- Tài chính-Ủy ban dân tộc mà cán bộ, công chức công tác tại địa bàn được hưởng phục cấp khu vực).

+ Dân số vùng hải đảo : là dân số huyện Côn đảo.

+ Dân số vùng đồng bằng: gồm dân số các xã thuộc khu vực còn lại.

2 – Các định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên là căn cứ để phân bổ ngân sách các cấp, không phải là định mức chi tiêu, thanh quyết toán ngân sách. UBND các cấp căn cứ định mức phân bổ dự toán chi ngân sách do UBND Tỉnh quyết định, khả năng ngân sách và đặc điểm tình hình cụ thể của các cơ quan đơn vị trực thuộc để xây dựng dự toán ngân sách trình HĐND cùng cấp quyết định.

**II – Định mức phân bổ chi thường xuyên của Ngân sách địa phương năm 2007:**

**1 – Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:**

Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục thực hiện theo tiêu chí tỷ lệ giữa tiền lương, các khoản trích theo lương với chi hoạt động thường xuyên, như sau:

Tổng quỹ lương và các khoản trích theo lương chiếm 78% , chi hoạt động thường xuyên chiếm 22% tổng chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục

Định mức phân bổ nêu trên được tính cho các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán cấp 1.

**2 – Định mức phân bổ chi Quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, Đoàn thể :**

**a – Định mức phân bổ chi Quản lý hành chính nhà nước, Đoàn thể cấp tỉnh và cấp huyện chưa thực hiện chế độ tư chủ và tư chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính (gọi tắt là đơn vị chưa thực hiện khoán chi):**

- Các đơn vị cấp tỉnh : 34tr.đ/BC/Năm.
- Các đơn vị cấp Huyện, Thị, Thành Phố : 33tr.đ/BC/Năm
- + Riêng huyện Côn đảo : 50tr.đ/BC/Năm.

***\*Ngoài định mức phân bổ nêu trên các đơn vị có ít biên chế còn được phân bổ thêm kinh phí cụ thể như sau:***

Đối với các đơn vị có từ 20 biên chế trở lên dự toán chi được tính bằng định mức; đơn vị có từ 10 đến 19 biên chế được tính thêm 5%; đơn vị có từ 6 đến 9 biên chế được tính thêm 10%; đơn vị có từ 5 biên chế trở xuống được tính thêm 15% định mức chi hành chính nêu trên.

**b – Định mức chi Quản lý hành chính nhà nước, Đoàn thể đối với các đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện tư chủ tài chính (khoán chi) :**

- Mức khoán chi là : 38tr.đ/BC/Năm
- Riêng huyện Côn đảo là : 57tr.đ/BC/Năm.

**c- Định mức phân bổ chi cơ quan Đảng cấp Tỉnh và cấp Huyện:**

**c1 - Đối với đơn vị chưa nhận khoán chi:**

**Cấp Tỉnh :**

- + Định mức phân bổ chi thường xuyên là : 44tr.đ/BC/Năm.
- + Định mức phân bổ chi đặc thù là : 51tr.đ/BC/Năm .

**Cấp Huyện :**

- + Mức phân bổ chi thường xuyên là : 37tr.đ/BC/Năm.
- + Mức phân bổ chi đặc thù là : 33tr.đ/BC/Năm.
- + Riêng huyện Côn đảo là : 87tr.đ/BC/Năm.

**c2 - Đối với đơn vị nhận khoán chi:**

**Cấp Tỉnh:**

- + Mức phân bổ chi thường xuyên là : 48tr.đ/BC/Năm.
- + Mức phân bổ chi đặc thù là : 57tr.đ/BC/Năm.

**Cấp Huyện :**

- + Mức phân bổ chi thường xuyên là : 42tr.đ/BC/Năm.
- + Mức phân bổ chi đặc thù là : 38tr.đ/BC/Năm
- + Riêng huyện Côn đảo là : 99tr.đ/BC/Năm.

**d – Đối với các đơn vị cấp Xã, Phường, Thị Trấn chưa thực hiện khoán**

**chi:**

- Định mức phân bổ chi các Xã, Phường, Thị trấn là :24tr.đ/định biên/năm.

Số định biên được tính cho số cán bộ cấp xã được quy định tại Quyết định số 6153/QĐ.UBND ngày 31/08/2004 của UBND Tỉnh V/v Quy định số lượng chức danh cán bộ chuyên trách và công chức Xã,Phường,Thị trấn thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng tàu.

Ngoài ra chi quản lý hành chính cấp xã còn được bổ sung thêm phần chi cho con người đối với các đối tượng khác do địa phương quy định.

**e – Đối với các đơn vị cấp Xã, Phường, Thị Trấn ( gọi chung là Xã) thực hiện khoán chi:**

Mức khoán là : 17tr.đ/định biên/năm.

Số định biên được xác định trên định biên khoán.

f – Đối với các cơ quan: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND các cấp, do thực tế phát sinh các khoản chi đặc thù thì trong quá trình điều hành ngân sách sẽ được xem xét bổ sung thêm kinh phí hoạt động theo khả năng của từng cấp ngân sách.

**3 – Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo:**

TT	Vùng	Định mức phân bổ(đồng/người dân/năm)			
		Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Đô thị	46.000	37.000	9.000	
2	Đồng bằng	50.710	40.700	10.010	
3	Vùng sâu	61.180	48.100	13.080	
4	Hải đảo	77.210	59.190	18.020	

\* Định mức phân bổ chi đào tạo nêu trên đã bao gồm cả kinh phí chi đào tạo được phân cấp theo quyết định số 1333/2005/QĐ-UB ngày 26/04/2005 của UBND tỉnh.

\* Riêng định mức phân bổ chi đối với các Trung tâm chính trị cấp huyện; giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ từng năm và cả thời kỳ 2007-2010 để phân bổ dự toán năm 2007 trình UBND Tỉnh , Trình HĐND Tỉnh quyết định.

**4 – Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế :**

TT	Vùng	Định mức phân bổ(đồng/người dân/năm)			
		Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Đô thị	73.910	58.010	15.900	
2	Đồng bằng	94.170	63.810	30.360	
3	Vùng sâu	117.840	80.720	37.120	
4	Hải đảo	154.030	104.640	49.390	

Định mức trên đã bao gồm:

- + Khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 06 tuổi.
- + Phụ cấp đặc thù của ngành y tế (Thông tư số 09/2003/TTLT-BTC-BNV ngày 09/08/2003).
- + Kinh phí tăng 200 giường bệnh theo Quyết định số 2785/QĐ.UB ngày 09/08/2003.
- + Phụ cấp ưu đãi cán bộ y tế theo quyết định số 276/2005/QĐ-TTg ngày 01/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.
- + Chi thường xuyên các trạm y tế xã theo Thông tư liên tịch số 119/2002/TTLT-BTC-BYT ngày 27/12/2002.
- + Lương tăng thêm theo NĐ204/2004/NĐ-CP, NĐ118/2005/NĐ-CP.
- \* Đối với các Trung tâm y tế thuộc cấp Huyện quản lý có từ 70 giường bệnh trở lên thì: số giường bệnh vượt hơn được tính thêm 17tr.đ/giường bệnh.

#### **5 – Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá – thông tin:**

TT	Vùng	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)			
		Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Đô thị	20.060	11.950	6.250	1.860
2	Đồng bằng	22.100	13.140	6.900	2.060
3	Vùng sâu	28.470	16.720	9.050	2.700
4	Hải đảo	35.910	19.710	12.480	3.720

- \* Định mức trên đã bao gồm:
- + Kinh phí cho Ban quản lý di tích Côn đảo.
- + Phụ cấp biểu diễn nghệ thuật theo QĐ 10647/QĐ.UB ngày 04/11/2003.
- + Kể chuyện sách hè.
- + Mua sách thư viện hàng năm.
- + Sửa chữa di tích cách mạng.
- + Lương tăng thêm của NĐ 204/2004/NĐ-CP, NĐ 118/2005/NĐ-CP.
- \* Ngoài định mức trên, các trung tâm văn hoá cấp xã được tính thêm: 100tr.đ/trung tâm (bằng mức quy định tại quyết định số 4795/QĐ.UBND ngày 14/12/2005 của UBND tỉnh).

#### **6 – Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh-truyền hình :**

TT	Vùng	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)			
		Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Đô thị	12.760	10.830	1.280	650
2	Đồng bằng	14.060	11.920	1.420	720
3	Vùng sâu	16.980	14.090	1.920	970
4	Hải đảo	21.390	17.540	2.560	1.290

- \* Định mức trên đã bao gồm:

- + Tăng thời lượng phát sóng.
- + Nhuận bút theo NĐ 61/2002/NĐ-CP.
- + Kinh phí tăng thêm do chuyển về trụ sở mới.
- + Lương tăng thêm của NĐ 204/2004/NĐ-CP, NĐ 118/2005/NĐ-CP.
- \* Ngoài định mức trên, các đài phát thanh, truyền hình cấp huyện được tính thêm: 360tr/đ/đơn vị. Riêng huyện Côn đảo được tính thêm: 1.100tr.đ/năm.

**7 – Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục-thể thao :**

TT	Vùng	Định mức phân bổ(đồng/người dân/năm)			
		Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Đô thị	12.620	9.490	2.080	1.050
2	Đồng bằng	8.870	6.640	1.480	750
3	Vùng sâu	9.280	6.910	1.570	800
4	Hải đảo	11.100	7.970	2.080	1.050

\* Định mức trên đã bao gồm:

- + Hoạt động đội bóng trẻ và đội tuyển bóng đá.
- + Chế độ vận động viên đăng cấp theo QĐ 7566/QĐ.UB ngày 12/08/2003.
- + Chế độ dinh dưỡng cho VĐV và HLV.
- + Chế độ của VĐV và HLV đi công tác.

**8 – Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội :**

TT	Vùng	Định mức phân bổ(đồng/người dân/năm)			
		Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Đô thị	32.400	20.710	8.340	3.350
2	Đồng bằng	33.770	21.250	8.930	3.590
3	Vùng sâu	39.140	23.130	11.420	4.590
4	Hải đảo	43.720	25.280	13.150	5.290

\* Định mức nêu trên đã bao gồm:

- + Điện nước, mua sắm, sửa chữa thường xuyên cơ sở xã hội, xăng chuyên chở đối tượng.
- + Trợ cấp đối tượng mại dâm, ma túy.

**9 – Định mức phân bổ chi an ninh-quốc phòng:**

TT	Vùng	Định mức phân bổ(đồng/người dân/năm)			
		Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Đô thị	32.580	17.220	8.440	6.920
2	Đồng bằng	23.210	12.270	6.010	4.930
3	Vùng sâu	26.160	13.830	6.780	5.550
4	Hải đảo	32.570	17.220	8.440	6.910

Ngoài định mức phân bổ chi nêu trên, số chi an ninh - quốc phòng còn được bổ sung thêm số chi do địa phương quy định (các quyết định về lực lượng dân quân, công an, bảo vệ dân phố..v.v...).

Đối với huyện Côn đảo được tính thêm: 1.400tr.đ/năm để thực hiện nhiệm vụ đặc thù đối vùng biên giới hải đảo đặc biệt khó khăn.

### **10 – Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ:**

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở Khoa học & công nghệ và các đơn vị liên quan căn cứ dự toán giao các năm qua và nhiệm vụ cả giai đoạn 2006-2010 để phân bổ dự toán năm 2007 trình UBND Tỉnh, trình HĐND Tỉnh quyết định.

### **11 – Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế (Bao gồm cả chi sự nghiệp môi trường):**

- Cấp tỉnh bằng: 22% tổng chi thường xuyên theo các định mức nêu trên (không bao gồm chi sự nghiệp kinh tế) .

- Cấp Huyện, Thị, TP. Vũng tàu: được tính theo tỷ lệ % trên tổng chi thường xuyên không bao gồm chi sự nghiệp kinh tế, cụ thể như sau:

Tên đơn vị	Định mức phân bổ
1. TP. Vũng Tàu	70%
2. TX. Bà Rịa	45%
3. Huyện Tân Thành	30%
4. Huyện Long Điền	20%
5. Huyện Đất Đỏ.	20%
6. Huyện Châu Đức	20%
7. Huyện Xuyên Mộc	20%
8. Huyện Côn Đảo	30%

Ngoài ra TP. Vũng tàu được tính thêm 10tỷ, TX. Bà Rịa và huyện Tân thành tính thêm 5 tỷ.

### **12 – Định mức phân bổ chi khác:**

Các khoản chi khác của ngân sách được phân bổ theo tỷ lệ bằng 1,5% tổng các khoản chi thường xuyên được tính theo định mức phân bổ nêu trên.

### **13 – Đối với các Huyện, Thị, Thành phố có dân số thấp hoặc ở địa bàn đặc biệt khó khăn:**

- Đối với các Huyện, Thị, Thành phố có dân số dưới 100 nghìn dân được tính tăng thêm 3% số chi tính theo định mức nêu trên.

- Riêng Huyện Côn đảo được tính tăng thêm 50% số chi tính theo định mức nêu trên.

**14 – Chi trợ giá:**

Dự toán chi trợ giá được xác định cụ thể trên cơ sở mức chi trợ giá và đối tượng trợ giá.

**15 – Định mức phân bổ chi thi đua khen thưởng:**

Mức phân bổ dự toán năm 2007 là 1% trên tổng các khoản chi thường xuyên được tính theo định mức phân bổ nêu trên.

**16 – Định mức dự phòng ngân sách :**

Tính chung bằng 5% tổng chi ngân sách của các cấp ngân sách.-/.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Chủ tịch**



**TRẦN MINH SANH**